

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tuấn;

Bà Lương Bích Diệp.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Slinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022; Thông báo chuyển ngày xét xử số: 01/2022/TB-TA, ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị V, sinh năm 1990, cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1987, cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/5/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mã Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L vào ngày 03/5/2012. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, được một năm thì anh Nông Văn T và chị xảy ra mâu thuẫn do anh Nông Văn T mãi chơi, tụ tập

bạn bè, rượu chè, có quan hệ ngoài luồng, không chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Nông Văn T vẫn không thay đổi, do đó dẫn đến việc chị và anh Nông Văn T thường xuyên cãi chửi nhau. Xác định việc mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đến tháng 7/2020 thì chị bỏ đi làm công ty và về nhà bố mẹ để sống tại thôn Tầm Chả, Khuất Xá sống đến nay, ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nông Văn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019. Các cháu hiện nay đang sống cùng anh Nông Văn T. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Nông Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con, anh Nông Văn T làm thợ xây, thu nhập là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, chỗ ở ổn định, các cháu vẫn được anh Nông Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nông Văn T, nếu có điều kiện thì chị mua đồ cho con theo khả năng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nông Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và con chung như chị Mã Thị V trình bày là đúng. Vợ chồng không có mâu thuẫn lớn chỉ là do anh Nông Văn T hay đi ăn uống, giao lưu bạn bè, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì. Năm 2020 chị Mã Thị V bỏ về nhà bố mẹ để sống tại thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và anh cũng chưa từng về đón chị Mã Thị V lần nào. Chị Mã Thị V muốn đi hay ở là do chị quyết định, anh xác định tình cảm với chị Mã Thị V còn nên anh không nhất trí ly hôn, mong muốn được đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Các con còn nhỏ nên anh cũng lo bố mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, con lớn 10 năm nữa anh sẽ làm đơn ly hôn với chị Mã Thị V.

Về con chung: Anh Nông Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019 đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Mã Thị V cấp dưỡng nuôi con, từ khi ly thân các cháu đều sống với anh, anh làm thợ xây, thu nhập 01 tháng là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, chỗ ở ổn định, các cháu vẫn được nuôi dưỡng đầy đủ, ngoài ra anh còn có bố mẹ để hỗ trợ chăm sóc các cháu. Từ khi chị Mã Thị V bỏ đi cũng không về thăm nom con lần nào, con ốm gọi điện thoại báo thì chị Mã Thị V cũng không về.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án

thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chị Mã Thị V và anh Nông Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị Mã Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Mặc dù anh Nông Văn T cho rằng anh còn tình cảm với chị Mã Thị V, mong muốn hòa giải đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có hành động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị Mã Thị V vẫn cương quyết ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Mã Thị V được ly hôn với anh Nông Văn T. Về con chung: Xét thấy 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019 hiện nay đang sống và học tập ổn định cùng với anh Nông Văn T tại Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; anh Nông Văn T có khả năng và điều kiện nuôi dạy con, có chỗ ở ổn định và có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/01 tháng đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, chị Mã Thị V cũng nhất trí anh Nông Văn T là người trực tiếp nuôi các con chung, anh Nông Văn T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, cháu Nông Trung T đã đủ 07 tuổi cũng có nguyện vọng được sống với bố là anh Nông Văn T. Do đó, căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019 cho anh Nông Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị V chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nông Văn T chưa yêu cầu. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có. Nguyên đơn chị Mã Thị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nông Văn T, cư trú tại Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Mã Thị V và anh Nông Văn T được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận số 19/2012, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 03/5/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn là chị Mã Thị V xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung,

chị Mã Thị V và anh Nông Văn T đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Nông Văn T thừa nhận anh có hay đi ăn uống, giao lưu và cũng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, anh chưa về đón chị lần nào, mặt khác tại phiên tòa anh Nông Văn T cũng thừa nhận anh không nhất trí ly hôn cũng một phần do các con chung còn nhỏ, không muốn con bị ảnh hưởng tâm lý vì bố mẹ ly hôn, đợi 10 năm nữa con lớn anh mới làm đơn xin ly hôn với chị Mã Thị V, hiện tại chị Mã Thị V muốn đi hay ở là do chị Mã Thị V, anh không giữ cũng không đuổi chị Mã Thị V. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Mã Thị V và anh Nông Văn T đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Nông Văn T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Vì vậy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Mã Thị V và anh Nông Văn T có 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019; từ khi ly thân cả 02 cháu sống với anh Nông Văn T, chị Mã Thị V và anh Nông Văn T đều nhất trí khi ly hôn anh Nông Văn T là người được trực tiếp chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu Nông Trung T (đã đủ 07 tuổi) có nguyện vọng được sống với bố. Anh Nông Văn T có thu nhập ổn định, làm thợ xây thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng đến 8.000.000 đồng/tháng, mặt khác anh còn được bố mẹ đẻ hỗ trợ việc chăm sóc các cháu và các cháu từ khi ly thân vẫn sống cùng anh, được anh chăm sóc đầy đủ, ổn định cuộc sống. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019 cho anh Nông Văn T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Chị Mã Thị V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nông Văn T chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết; nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Mã Thị V phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mã Thị V được ly hôn với anh Nông Văn T. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 03/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*)

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nông Trung T, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Nông Kim T, sinh ngày 23/01/2019 cho anh Nông Văn T là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị V chưa phải cấp dưỡng nuôi do anh Nông Văn T chưa có yêu cầu.

Chị Mã Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Mã Thị V thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Mã Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Mã Thị V đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005127 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hồng Trần Văn Tiến Nông Thị Huyền Trang

